

Họ, tên thí sinh:..... SBD:.....

**Mã đề thi 136**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Đạo hàm của hàm số  $y = (2x - 1)\sqrt{x^2 + x}$  là

A.  $y' = \frac{8x^2 + 4x + 1}{2\sqrt{x^2 + x}}$ .

B.  $y' = \frac{4x + 1}{2\sqrt{x^2 + x}}$ .

C.  $y' = \frac{6x^2 + 2x - 1}{2\sqrt{x^2 + x}}$ .

D.  $y' = \frac{8x^2 + 4x - 1}{2\sqrt{x^2 + x}}$ .

**Câu 2.** Ghi lại tốc độ bóng trong 200 lần giao bóng của một vận động viên môn quần vợt cho kết quả như bảng sau:

Tốc độ $v$ (km/h)	Số lần
$150 \leq v < 155$	18
$155 \leq v < 160$	28
$160 \leq v < 165$	35
$165 \leq v < 170$	43
$170 \leq v < 175$	41
$175 \leq v < 180$	35

Trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm này gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 165.                      B. 167,21.                      C. 168.                      D. 172,23.

**Câu 3.** Cho  $(u_n)$  là cấp số nhân có  $u_1 = \frac{1}{3}; u_8 = 729$ . Tổng của 8 số hạng đầu của cấp số nhân đó là

- A.  $\frac{1 - 3^8}{2}$ .                      B.  $\frac{3^8 - 1}{6}$ .                      C.  $\frac{3^8 - 1}{2}$ .                      D.  $\frac{1 - 3^8}{6}$ .

**Câu 4.** Cho  $A$  và  $B$  là hai biến cố. Biết  $P(A) = 0,3; P(B) = 0,2; P(AB) = 0,06$ . Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.  $A$  và  $B$  là hai biến cố xung khắc.                      B.  $A$  và  $B$  là hai biến cố không độc lập.  
 C.  $A$  và  $B$  là hai biến cố đối.                      D.  $A$  và  $B$  là hai biến cố độc lập.

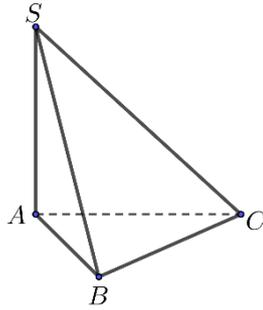
**Câu 5.** Cho bảng tần số ghép nhóm số liệu thống kê chiều cao của 50 học sinh khối 11 (đơn vị: cm)

Nhóm	Tần số	Tần số tích lũy
[140;145)	1	1
[145;150)	3	4
[150;155)	9	13
[155;160)	20	33
[160;165)	12	45
[165;170)	5	50
	$n = 50$	

Một của mẫu số liệu ghép nhóm trên (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm) là

- A. 157,89.                      B. 165,78.                      C. 157,50.                      D. 185,15.

**Câu 6.** Cho hình chóp  $S.ABC$  có đáy là tam giác đều cạnh bằng  $a$ , có  $SA \perp (ABC)$  và  $SA = a$  (tham khảo hình vẽ). Số đo của góc giữa đường thẳng  $SC$  với mặt phẳng  $(ABC)$  bằng



- A.  $90^\circ$ .                      B.  $135^\circ$ .                      C.  $45^\circ$ .                      D.  $60^\circ$ .

**Câu 7.** Gọi  $S$  là tập nghiệm của phương trình  $2\log_2(2x-2) + \log_2(x-3)^2 = 2$  trên  $\mathbb{R}$ . Tổng của các phần tử của  $S$  bằng

- A.  $6 + \sqrt{2}$ .                      B.  $4 + \sqrt{2}$ .                      C. 4.                      D.  $2 + \sqrt{2}$ .

**Câu 8.** Cho hàm số  $y = \begin{cases} \frac{x^2 - 7x + 12}{x - 3} & \text{khi } x \neq 3 \\ -1 & \text{khi } x = 3 \end{cases}$ . Mệnh đề nào sau đây **đúng**?

- A. Hàm số liên tục nhưng không có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .  
 B. Hàm số gián đoạn và không có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .  
 C. Hàm số liên tục và có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .  
 D. Hàm số có đạo hàm nhưng không liên tục tại  $x_0 = 3$ .

**Câu 9.** Cho khối chóp  $S.ABC$  có  $SA$  vuông góc với đáy,  $SA = 4$ ,  $AB = 6$ ,  $BC = 10$  và  $CA = 8$ . Thể tích  $V$  của khối chóp  $S.ABC$  bằng

- A.  $V = 192$ .                      B.  $V = 96$ .                      C.  $V = 32$ .                      D.  $V = 24$ .

**Câu 10.** Tập nghiệm  $S$  của bất phương trình  $3^{x^2-3x} \geq \frac{1}{9}$  là

- A.  $S = [1; 2]$ .                      B.  $S = (1; 2)$ .  
 C.  $S = (-\infty; 1] \cup [2; +\infty)$ .                      D.  $S = (-\infty; 1) \cup (2; +\infty)$ .

**Câu 11.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông cạnh  $a$ ,  $O$  là giao điểm của  $AC$  và  $BD$ ,  $SO \perp (ABCD)$ ,  $SO = a$ . Khoảng cách từ điểm  $A$  đến mặt phẳng  $(SBD)$  bằng

- A.  $\frac{a}{2}$ .                      B.  $a\sqrt{2}$ .                      C.  $\frac{a\sqrt{2}}{2}$ .                      D.  $\frac{a\sqrt{6}}{4}$ .

**Câu 12.** Tập xác định  $D$  của hàm số  $y = \ln(4 - 3x - x^2)$  là

- A.  $D = (-4; 1)$ .                      B.  $D = (-\infty; -4] \cup [1; +\infty)$ .  
 C.  $D = (-\infty; -4) \cup (1; +\infty)$ .                      D.  $D = [-4; 1]$ .

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Có ba người cùng đi câu cá. Xác suất câu được cá của người thứ nhất là  $0,5$ . Xác suất câu được cá của người thứ hai là  $0,4$ . Xác suất câu được cá của người thứ ba là  $0,3$ .

- a) Xác suất để người thứ ba luôn luôn câu được cá bằng  $0,3$ .
- b) Xác suất để có đúng 1 người câu được cá bằng  $0,34$ .
- c) Xác suất để có ít nhất 1 người câu được cá bằng  $0,21$ .
- d) Xác suất để có đúng 2 người câu được cá bằng  $0,29$ .

**Câu 2.** Kiểm tra điện lượng của một số viên pin tiêu do một hãng sản xuất thu được kết quả sau:

Điện lượng (Nghìn mAh)	$[0,9; 0,95)$	$[0,95; 1,0)$	$[1,0; 1,05)$	$[1,05; 1,1)$	$[1,1; 1,15)$
Số pin	10	20	35	15	5

- a) Số trung bình của dãy số liệu (làm tròn đến hàng phần nghìn) là  $1,016$ .
- b) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu ghép nhóm (làm tròn đến hàng phần nghìn) là  $Q_3 = 1,248$ .
- c) Nhóm chứa một của dãy số liệu là  $[1,05; 1,1)$ ,
- d) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu ghép nhóm (làm tròn đến hàng phần trăm) là  $Q_1 = 0,98$ .

**Câu 3.** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  có số hạng đầu  $u_1 = \frac{3}{2}$ , công sai  $d = \frac{1}{2}$ .

- a) Số 5 là số hạng thứ 8 của cấp số cộng đã cho.
- b) Công thức số hạng tổng quát của cấp số cộng là  $u_n = 1 + \frac{n}{3}$ .
- c) Tổng 100 số hạng đầu tiên của cấp số cộng  $(u_n)$  bằng 2620.
- d) Số  $\frac{15}{4}$  là một số hạng của cấp số cộng đã cho.

**Câu 4.** Cho hình lăng trụ đứng  $ABC.A'B'C'$  có đáy  $ABC$  là tam giác vuông tại  $A$ . Gọi  $E, F$  lần lượt là trung điểm của  $AB$  và  $AA'$ . Cho biết  $AB = 2$ ,  $BC = \sqrt{13}$ ,  $CC' = 4$ .

- a) Khoảng cách giữa hai đường thẳng  $A'B$  và  $CE$  bằng  $\frac{7}{6}$ .
- b) Thể tích khối lăng trụ  $ABC.A'B'C'$  bằng 12.
- c) Côsin của góc giữa đường thẳng  $A'B$  và mặt phẳng đáy  $(ABC)$  bằng  $\frac{1}{\sqrt{5}}$ .
- d) Số đo của góc phẳng nhị diện  $[A, CE, F]$  lớn hơn  $65^\circ$ .

### PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Một ống khói có cấu trúc gồm một khối chóp cụt tứ giác đều có thể tích  $V_1$  và một khối hộp chữ nhật có thể tích  $V_2$  ghép lại với nhau như hình bên dưới. Cho biết bản vẽ hình chiếu của ống khói với phương chiếu trùng với phương của một cạnh đáy khối chóp cụt, giá trị của tỉ số thể tích  $\frac{V_1}{V_2}$  bằng bao nhiêu? (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm).



**Câu 2.** Năm 2025, một hãng công nghệ có 30 triệu người dùng phần mềm của họ. Hãng đặt kế hoạch, trong 3 năm tiếp theo, mỗi năm số lượng người dùng phần mềm tăng 8% so với năm trước và từ năm thứ 4 trở đi, số lượng người dùng phần mềm sẽ tăng 5% so với năm trước đó. Theo kế hoạch đó, hỏi bắt đầu từ năm nào thì số lượng người dùng phần mềm của hãng sẽ vượt quá 55 triệu người? (kết quả tính toán làm tròn đến hàng đơn vị).

**Câu 3.** Cho hàm số  $y = f(x) = \frac{5 - 2mx}{x + 2}$  ( $m \in \mathbb{R}, m \neq \frac{-5}{4}$ ). Gọi  $S$  là tập tất cả các giá trị của tham số  $m$  để  $f'(-1) \cdot f'(0) = 4$ . Tập  $S$  có bao nhiêu phần tử?

**Câu 4.** Một chất điểm chuyển động theo phương trình  $s(t) = 3 \sin 2t + 2 \cos 2t$ , trong đó  $t$  là thời gian tính bằng giây và  $s$  là quãng đường chuyển động được của chất điểm trong  $t$  giây tính bằng mét. Gia tốc của chất điểm đó khi  $t = \frac{\pi}{4}$  bằng bao nhiêu  $m/s^2$ ?

**Câu 5.** Giá đỡ ba chân ở hình vẽ đang được mở sao cho ba chân cách đều nhau một khoảng cách bằng 110 cm, các chân của giá đỡ dài 129 cm. Chiều cao của giá đỡ bằng bao nhiêu cm? (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị).

**Câu 6.** Một đội bóng đá thi đấu trong một sân vận động có sức chứa 55000 khán giả. Với giá mỗi vé là 100 nghìn đồng, số khán giả trung bình là 27000 người. Qua thăm dò dư luận, người ta thấy rằng mỗi khi giá vé giảm thêm 10 nghìn đồng, sẽ có thêm khoảng 3000 khán giả. Hỏi ban tổ chức nên đặt giá vé là bao nhiêu nghìn đồng để doanh thu từ tiền bán vé là lớn nhất?

----- HẾT -----

Họ, tên thí sinh:..... SBD:.....

**Mã đề thi 238**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Gọi  $S$  là tập nghiệm của phương trình  $2\log_2(2x-2) + \log_2(x-3)^2 = 2$  trên  $\mathbb{R}$ . Tổng của các phần tử của  $S$  bằng

- A.  $6 + \sqrt{2}$ .                      B. 4.                      C.  $4 + \sqrt{2}$ .                      D.  $2 + \sqrt{2}$ .

**Câu 2.** Tập nghiệm  $S$  của bất phương trình  $3^{x^2-3x} \geq \frac{1}{9}$  là

- A.  $S = (-\infty; 1] \cup [2; +\infty)$ .                      B.  $S = [1; 2]$ .  
C.  $S = (1; 2)$ .                      D.  $S = (-\infty; 1) \cup (2; +\infty)$ .

**Câu 3.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông cạnh  $a$ ,  $O$  là giao điểm của  $AC$  và  $BD$ ,  $SO \perp (ABCD)$ ,  $SO = a$ . Khoảng cách từ điểm  $A$  đến mặt phẳng  $(SBD)$  bằng

- A.  $a\sqrt{2}$ .                      B.  $\frac{a\sqrt{2}}{2}$ .                      C.  $\frac{a\sqrt{6}}{4}$ .                      D.  $\frac{a}{2}$ .

**Câu 4.** Đạo hàm của hàm số  $y = (2x-1)\sqrt{x^2+x}$  là

- A.  $y' = \frac{8x^2 + 4x - 1}{2\sqrt{x^2+x}}$ .                      B.  $y' = \frac{6x^2 + 2x - 1}{2\sqrt{x^2+x}}$ .  
C.  $y' = \frac{8x^2 + 4x + 1}{2\sqrt{x^2+x}}$ .                      D.  $y' = \frac{4x + 1}{2\sqrt{x^2+x}}$ .

**Câu 5.** Cho bảng tần số ghép nhóm số liệu thống kê chiều cao của 50 học sinh khối 11 (đơn vị: cm)

Nhóm	Tần số	Tần số tích lũy
$[140;145)$	1	1
$[145;150)$	3	4
$[150;155)$	9	13
$[155;160)$	20	33
$[160;165)$	12	45
$[165;170)$	5	50
	$n = 50$	

Một của mẫu số liệu ghép nhóm trên (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm) là

- A. 165, 78.                      B. 185, 15.                      C. 157, 89.                      D. 157, 50.

**Câu 6.** Cho  $A$  và  $B$  là hai biến cố. Biết  $P(A) = 0,3; P(B) = 0,2; P(AB) = 0,06$ . Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.  $A$  và  $B$  là hai biến cố độc lập.                      B.  $A$  và  $B$  là hai biến cố đối.  
C.  $A$  và  $B$  là hai biến cố xung khắc.                      D.  $A$  và  $B$  là hai biến cố không độc lập.

**Câu 7.** Ghi lại tốc độ bóng trong 200 lần giao bóng của một vận động viên môn quần vợt cho kết quả như bảng sau:

Tốc độ $v$ (km/h)	Số lần
$150 \leq v < 155$	18
$155 \leq v < 160$	28
$160 \leq v < 165$	35
$165 \leq v < 170$	43
$170 \leq v < 175$	41
$175 \leq v < 180$	35

Trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm này gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 165.      B. 167,21.      C. 168.      D. 172,23.

**Câu 8.** Cho  $(u_n)$  là cấp số nhân có  $u_1 = \frac{1}{3}; u_8 = 729$ . Tổng của 8 số hạng đầu của cấp số nhân đó là

- A.  $\frac{3^8 - 1}{6}$ .      B.  $\frac{1 - 3^8}{6}$ .      C.  $\frac{3^8 - 1}{2}$ .      D.  $\frac{1 - 3^8}{2}$ .

**Câu 9.** Cho khối chóp  $S.ABC$  có  $SA$  vuông góc với đáy,  $SA = 4$ ,  $AB = 6$ ,  $BC = 10$  và  $CA = 8$ . Thể tích  $V$  của khối chóp  $S.ABC$  bằng

- A.  $V = 24$ .      B.  $V = 32$ .      C.  $V = 96$ .      D.  $V = 192$ .

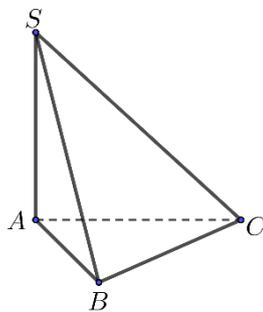
**Câu 10.** Tập xác định  $D$  của hàm số  $y = \ln(4 - 3x - x^2)$  là

- A.  $D = (-4; 1)$ .      B.  $D = (-\infty; -4) \cup (1; +\infty)$ .  
 C.  $D = [-4; 1]$ .      D.  $D = (-\infty; -4] \cup [1; +\infty)$ .

**Câu 11.** Cho hàm số  $y = \begin{cases} \frac{x^2 - 7x + 12}{x - 3} & \text{khi } x \neq 3 \\ -1 & \text{khi } x = 3 \end{cases}$ . Mệnh đề nào sau đây **đúng**?

- A. Hàm số có đạo hàm nhưng không liên tục tại  $x_0 = 3$ .  
 B. Hàm số liên tục và có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .  
 C. Hàm số liên tục nhưng không có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .  
 D. Hàm số gián đoạn và không có đạo hàm tại  $x_0 = 3$ .

**Câu 12.** Cho hình chóp  $S.ABC$  có đáy là tam giác đều cạnh bằng  $a$ , có  $SA \perp (ABC)$  và  $SA = a$  (tham khảo hình vẽ). Số đo của góc giữa đường thẳng  $SC$  với mặt phẳng  $(ABC)$  bằng



- A.  $135^\circ$ .      B.  $60^\circ$ .      C.  $45^\circ$ .      D.  $90^\circ$ .

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Kiểm tra điện lượng của một số viên pin tiêu do một hãng sản xuất thu được kết quả sau:

Điện lượng (Nghìn mAh)	$[0, 9; 0, 95)$	$[0, 95; 1, 0)$	$[1, 0; 1, 05)$	$[1, 05; 1, 1)$	$[1, 1; 1, 15)$
Số pin	10	20	35	15	5

- a) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu ghép nhóm (làm tròn đến hàng phần nghìn) là  $Q_3 = 1,248$ .
- b) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu ghép nhóm (làm tròn đến hàng phần trăm) là  $Q_1 = 0,98$ .
- c) Số trung bình của dãy số liệu (làm tròn đến hàng phần nghìn) là 1,016.
- d) Nhóm chứa một của dãy số liệu là  $[1, 05; 1, 1)$ ,

**Câu 2.** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  có số hạng đầu  $u_1 = \frac{3}{2}$ , công sai  $d = \frac{1}{2}$ .

- a) Số  $\frac{15}{4}$  là một số hạng của cấp số cộng đã cho.
- b) Số 5 là số hạng thứ 8 của cấp số cộng đã cho.
- c) Công thức số hạng tổng quát của cấp số cộng là  $u_n = 1 + \frac{n}{3}$ .
- d) Tổng 100 số hạng đầu tiên của cấp số cộng  $(u_n)$  bằng 2620.

**Câu 3.** Có ba người cùng đi câu cá. Xác suất câu được cá của người thứ nhất là 0,5. Xác suất câu được cá của người thứ hai là 0,4. Xác suất câu được cá của người thứ ba là 0,3.

- a) Xác suất để người thứ ba luôn luôn câu được cá bằng 0,3.
- b) Xác suất để có đúng 2 người câu được cá bằng 0,29.
- c) Xác suất để có đúng 1 người câu được cá bằng 0,34.
- d) Xác suất để có ít nhất 1 người câu được cá bằng 0,21.

**Câu 4.** Cho hình lăng trụ đứng  $ABC.A'B'C'$  có đáy  $ABC$  là tam giác vuông tại  $A$ . Gọi  $E, F$  lần lượt là trung điểm của  $AB$  và  $AA'$ . Cho biết  $AB = 2$ ,  $BC = \sqrt{13}$ ,  $CC' = 4$ .

- a) Thể tích khối lăng trụ  $ABC.A'B'C'$  bằng 12.
- b) Khoảng cách giữa hai đường thẳng  $A'B$  và  $CE$  bằng  $\frac{7}{6}$ .
- c) Số đo của góc phẳng nhị diện  $[A, CE, F]$  lớn hơn  $65^\circ$ .
- d) Côsin của góc giữa đường thẳng  $A'B$  và mặt phẳng đáy  $(ABC)$  bằng  $\frac{1}{\sqrt{5}}$ .

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

**Câu 1.** Một đội bóng đá thi đấu trong một sân vận động có sức chứa 55000 khán giả. Với giá mỗi vé là 100 nghìn đồng, số khán giả trung bình là 27000 người. Qua thăm dò dư luận, người ta thấy rằng mỗi khi giá vé giảm thêm 10 nghìn đồng, sẽ có thêm khoảng 3000 khán giả. Hỏi ban tổ chức nên đặt giá vé là bao nhiêu nghìn đồng để doanh thu từ tiền bán vé là lớn nhất?

**Câu 2.** Giá đỡ ba chân ở hình vẽ đang được mở sao cho ba chân cách đều nhau một khoảng cách bằng 110 cm, các chân của giá đỡ dài 129 cm. Chiều cao của giá đỡ bằng bao nhiêu cm? (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị).

**Câu 3.** Một chất điểm chuyển động theo phương trình  $s(t) = 3 \sin 2t + 2 \cos 2t$ , trong đó  $t$  là thời gian tính bằng giây và  $s$  là quãng đường chuyển động được của chất điểm trong  $t$  giây tính bằng mét. Gia tốc của chất điểm đó khi  $t = \frac{\pi}{4}$  bằng bao nhiêu  $m/s^2$ ?

**Câu 4.** Năm 2025, một hãng công nghệ có 30 triệu người dùng phần mềm của họ. Hãng đặt kế hoạch, trong 3 năm tiếp theo, mỗi năm số lượng người dùng phần mềm tăng 8% so với năm trước và từ năm thứ 4 trở đi, số lượng người dùng phần mềm sẽ tăng 5% so với năm trước đó. Theo kế hoạch đó, hỏi bắt đầu từ năm nào thì số lượng người dùng phần mềm của hãng sẽ vượt quá 55 triệu người? (kết quả tính toán làm tròn đến hàng đơn vị).

**Câu 5.** Cho hàm số  $y = f(x) = \frac{5 - 2mx}{x + 2}$  ( $m \in \mathbb{R}, m \neq \frac{-5}{4}$ ). Gọi  $S$  là tập tất cả các giá trị của tham số  $m$  để  $f'(-1) \cdot f'(0) = 4$ . Tập  $S$  có bao nhiêu phần tử?

**Câu 6.** Một ống khói có cấu trúc gồm một khối chóp cụt tứ giác đều có thể tích  $V_1$  và một khối hộp chữ nhật có thể tích  $V_2$  ghép lại với nhau như hình bên dưới. Cho biết bản vẽ hình chiếu của ống khói với phương chiều trùng với phương của một cạnh đáy khối chóp cụt, giá trị của tỉ số thể tích  $\frac{V_1}{V_2}$  bằng bao nhiêu? (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm).



----- HẾT -----

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ**  
**TỔ TOÁN**

**BẢNG ĐÁP ÁN**  
**KIỂM TRA CUỐI KỲ II - NĂM HỌC 2024 - 2025**

Mã môn [[F25]] KSCL-K11] - Lớp 11 - Thời gian in đề: 13/05/2025 08:41:05

**PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

- Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
136	D	B	B	D	A	C	B	C	C	C	C	A
238	C	A	B	A	C	A	B	A	B	A	B	C
374	B	D	A	B	C	C	C	A	B	C	A	D
459	A	C	B	D	C	D	D	D	C	A	A	D
568	C	C	C	A	A	A	C	C	B	D	A	B
652	B	B	A	A	B	B	A	A	D	A	B	A
785	A	D	B	C	C	B	D	B	A	B	B	C
871	B	A	C	C	A	C	A	C	B	B	C	B

**PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai**

- Điểm tối đa mỗi câu là 1 điểm.

- Đúng 1 ý được 0,1 điểm; đúng 2 ý được 0,25 điểm; đúng 3 ý được 0,5 điểm; đúng 4 ý được 1 điểm.

Mã đề	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
136	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ	a)Đ - b)S - c)S - d)S	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S
238	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S	a)S - b)Đ - c)S - d)S	a)Đ - b)Đ - c)S - d)S	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ
374	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ	a)Đ - b)Đ - c)S - d)S	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S	a)S - b)S - c)Đ - d)S
459	a)S - b)Đ - c)S - d)S	a)S - b)S - c)Đ - d)Đ	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S
568	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S	a)S - b)S - c)Đ - d)S	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S
652	a)S - b)S - c)Đ - d)Đ	a)S - b)S - c)Đ - d)S	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ
785	a)Đ - b)S - c)S - d)S	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S	a)Đ - b)Đ - c)S - d)S
871	a)S - b)S - c)S - d)Đ	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ

**PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn - tự luận**

- Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Mã đề	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
136	0,67	2036	2	-12	112	95
238	95	112	-12	2036	2	0,67
374	0,67	95	-12	112	2	2036
459	95	112	2036	0,67	2	-12
568	0,67	-12	95	2036	2	112
652	2	95	-12	112	0,67	2036
785	2	-12	95	0,67	112	2036
871	2	2036	95	-12	0,67	112

Xem thêm: **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG TOÁN 11**  
<https://toanmath.com/khao-sat-chat-luong-toan-11>